

QUAN NIỆM ĐA CHIỀU VỀ GIỚI TRONG TỤC NGỮ TIẾNG VIỆT

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Khái niệm tục ngữ và phân biệt tục ngữ với thành ngữ

Tục ngữ thuộc loại những tác phẩm truyền khẩu, những câu nói ổn định về cấu trúc, có nhịp điệu, thể hiện tri thức, kinh nghiệm dân gian về thế giới khách quan. Theo Georges Condominas, 'Tác phẩm truyền khẩu là sản phẩm tập thể... Bởi lẽ chúng được các thế hệ nối tiếp nhau lưu truyền. Họ đã gọt giũa, trau chuốt, khiến chúng có một vẻ duyên dáng đặc biệt.' (tr.539). Các câu tục ngữ, cũng như các câu ca dao, dân ca, sử thi, luật tục... được lưu truyền phụ thuộc vào trí nhớ và tài năng cá nhân nên dễ thay đổi và có nhiều biến thể (kể cả hình thức và nội dung). Mãi về sau, chúng mới được cố định lại bằng chữ viết (nếu ngôn ngữ đó có chữ viết).

Trong bài "Góp ý kiến về phân biệt tục ngữ với thành ngữ" (1973), Cù Đình Tú cho rằng, về mặt chức năng, "Thành ngữ là những đơn vị có sẵn, mang chức năng *định danh*, nói khác đi là dùng để gọi tên sự vật, tính chất, hành động"... "Tục ngữ đứng về mặt ngôn ngữ học có chức năng khác hẳn với thành ngữ... Nó *thông báo* một nhận định, một kết luận về một phương diện nào đó của thế giới khách quan. Do vậy, mỗi tục ngữ đọc lên là một câu hoàn chỉnh, diễn đạt trọn vẹn một ý tưởng. Đó là lý do giải thích tục ngữ có cấu tạo là kết cấu hai trung tâm".

Hoàng Văn Hành và một số tác giả ở Viện Ngôn ngữ học trong *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ* (1988) có viết: "Thành ngữ tuy có nhiều nét tương đồng với tục ngữ (như tính bền vững về mặt cấu tạo, tính bóng bẩy về nghĩa... nhưng lại khác với tục ngữ về bản chất. Sự khác nhau ấy thể hiện ở chỗ: thành ngữ là những *tổ hợp từ đặc biệt*, biểu thị những *khái niệm* một cách bóng bẩy, còn tục ngữ là những *câu – ngôn bản đặc biệt*, biểu thị những *phán đoán* một cách nghệ thuật" (dẫn theo Triều Nguyên, tr.28)

So sánh các thành ngữ: *nóng như rang, chậm như rùa, chắc như đinh đóng cột, như lửa với nước, khuôn vàng thước ngọc, cao chạy xa bay, ghi lòng tạc dạ v.v...* với các tục ngữ như *Có mới nói cũ; Cha truyền con nối; Cờ bạc là bác thằng bần; Cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy; Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào v.v...* chúng ta sẽ thấy rõ điều đó.

1.2 Nội dung tục ngữ:

1.2.1. Tục ngữ Việt Nam chứa đựng những tri thức và kinh nghiệm thực tiễn về thiên nhiên và xã hội. Kinh nghiệm về thiên nhiên liên quan đến những quy luật của trời đất về khí tượng, thủy văn, về lao động sản xuất ... rất quan trọng đối với đời sống nông nghiệp và ngư nghiệp ở nước ta. Ví dụ: *Mống dài trời lụt, mống cụt trời mưa; Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm; Nhất nước, nhì phân, tam*

cần, tứ giống; Mía trồng nắng, sắn trồng mưa; Mua bầu xem cuống, mua muống xem lá, mua cá xem mang;...

Kinh nghiệm về xã hội liên quan đến cách đánh giá các giá trị theo quan niệm của người Việt về vai trò của các tầng lớp xã hội, quan hệ gia đình, dòng họ, làng xóm, cách ứng xử theo đạo lí... Kinh nghiệm xã hội tạo ra những lễ thường, những chân lí được chấp nhận chung của cộng đồng. Ví dụ: *Quan nhất thời, dân vạn đại; Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh; Nói có sách, mách có chứng; Cây có trái, gái phải có con; Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ; Chó chẳng chê chủ nghèo, con chẳng chê cha mẹ khó; Khôn đâu đến trẻ, khỏe đâu đến già v.v...*

1.2.2. Những chân lí được chấp nhận chung của cộng đồng là cơ sở cho việc hình thành các chuẩn mực đạo đức và ứng xử của người Việt.

Đạo đức được qui định bởi những luật lệ, tập quán và dư luận xã hội. Quan niệm đạo đức của người Việt, đặc biệt là quan niệm về giới bị ảnh hưởng bởi cơ cấu xã hội và chịu sự tác động của các hệ tư tưởng khác nhau, vì vậy có thể biến đổi qua các giai đoạn lịch sử. Tục ngữ là nguồn sử liệu cho chúng ta hiểu phần nào về vai trò của phụ nữ Việt Nam trong lịch sử.

1.3 Mục đích nghiên cứu và nguồn tư liệu:

Đã có rất nhiều người nghiên cứu về các khía cạnh khác nhau về nội dung và hình thức của tục ngữ Việt Nam như Vũ Ngọc Phan, Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang, Hoàng Văn Hành, Nguyễn Thái Hòa, Triều Nguyên, Nguyễn Xuân Kính v.v...trong đó có một số tác giả đã sưu tầm và biên soạn những từ điển có giá trị.

Trong bài viết này, các câu tục ngữ được chọn từ quyển *Kho tàng tục ngữ người Việt, tập I, II* do Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Thúy Loan, Phan Lan Hương, Nguyễn Luân biên soạn và từ quyển sách “*Câu cửa miệng*” của Nhân Văn Đình.

Bài viết chú trọng phân tích những câu tục ngữ có liên quan đến quan niệm về giới trong kho tàng tục ngữ người Việt.

II. QUAN NIỆM ĐA CHIỀU VỀ GIỚI TRONG TỤC NGỮ VIỆT NAM

2.1. Đề cao giá trị con người trong đó có giá trị của người phụ nữ trong gia đình và xã hội:

Nhiều câu tục ngữ Việt Nam phản ánh quan niệm trân trọng đối với con người nói chung và trân trọng giá trị của người con gái, người vợ, người mẹ. Con người và cuộc sống là đẹp nhất và quý báu hơn mọi của cải :

Người ta là hoa đất

Người sống hơn đồng vàng

Những bài học làm người đầu tiên trong nhà trường của trẻ em Việt Nam là những câu ca dao về công ơn cha mẹ mà ai cũng thuộc lòng.

*Công cha như núi Thái sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra,
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Tuy nhiên đối với mẹ thì người ta dùng chữ 'thờ', còn với cha thì dùng chữ 'kính'. Chứng tỏ sự trân trọng đối với mẹ có phần hơn.

Khác với quan niệm trọng con trai trong truyền thống của một số nước Đông Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, tục ngữ người Việt cho rằng con nào cũng quý, nhưng con gái đầu lòng là một tài sản có giá trị nhất.

*- Có nếp mừng nếp, có tẻ mừng tẻ
- Dù gái dù trai, con nào cũng quý
- Ruộng sâu trâu nái, không bằng con gái đầu lòng*

Người vợ có vai trò quan trọng trong cuộc sống và sự thành công của người chồng trong xã hội cũng như trong gia đình, đặc biệt là những gia đình càng khó khăn càng cần đến vai trò người vợ:

*- Giàu vì bạn, sang vì vợ
- Gái ngoan làm quan cho chồng
- Làm ruộng có trâu, làm giàu phải có vợ
- Nhà khó cậy vợ hiền, nước loạn nhờ tướng giỏi*

Người cha và người mẹ đều có vai trò quan trọng trong việc giáo dục con cái. Người cha dạy cho con tri thức, người mẹ dạy cho con kỹ năng.

*- Cha mẹ nghèo khổ đi con dại, cha mẹ giàu lại con khôn
- Mẹ dạy thì con khéo, bố dạy thì con khôn*

Tuy nhiên, việc mang nặng đẻ đau, chăm sóc và nuôi dưỡng con cái là thiên chức của người mẹ, vì vậy, đối với người Việt Nam, nghĩa của mẹ sâu nặng hơn cả ơn cha:

*- Cha sinh không bằng mẹ dưỡng
- Con có mẹ như măng có bẹ
- Mỏ côi cha ăn cơm với cá, mỏ côi mẹ liếm lá đầu chợ
- Ơn cha là ba ngàn bảy, nghĩa mẹ là bảy ngàn ba*

Khi mẹ đã già yếu, mẹ vẫn là rào dậu bảo vệ chõ che, vẫn là chỗ dựa không thể thiếu được của gia đình nhờ vào sự chăm chỉ làm việc và kinh nghiệm cuộc sống quý báu của bà:

- Có mẹ già bằng ba rào dậu
- Một mẹ già bằng ba đũa ở
- Một mẹ già bằng ba đụn thóc

Sự trân trọng đối với phụ nữ trong tục ngữ phản ánh vai trò quan trọng của người phụ nữ trong xã hội Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn mà xã hội Việt Nam, cũng giống như những xã hội sơ khai của một số dân tộc Đông Nam Á, là những xã hội mẫu quyền hoặc xã hội lưỡng hệ, trong đó vai trò của người phụ nữ được coi trọng hơn nam giới hoặc ít nhất là cũng bình đẳng với nam giới. Điều này thể hiện trong tín ngưỡng thờ mẫu rất phổ biến của người Việt cho đến nay.

Việt Nam có những nữ anh hùng rất nổi tiếng như Hai Bà Trưng, Bà Triệu đánh dấu những mốc son trong lịch sử. Và không thể không kể đến vai trò của người phụ nữ trong việc tề gia và cả việc bảo vệ tổ quốc khi có kẻ thù xâm lược "*Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh*" trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Hiện nay, phụ nữ Việt Nam thường xuyên tham gia vào lực lượng lao động như nam giới, mặc dù vẫn còn bị thua thiệt về mức lương và đôi khi không tránh khỏi sự bạo hành trong gia đình.

2.2. Định kiến về giới trong tục ngữ:

Bên cạnh thái độ sự trân trọng đối với phụ nữ, trong *Kho tàng tục ngữ Việt Nam* có thể gặp những câu thể hiện cái nhìn định kiến về giới tính của một bộ phận người Việt. Định kiến về giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.

2.2.1 Định kiến giới trước hết thể hiện trong quan niệm về tính cách của mỗi giới

+Tính cách phụ nữ :

Trong tục ngữ Việt Nam, có 1 số câu thể hiện cách nhìn ác cảm với người phụ nữ, khắc họa người phụ nữ với nhiều *tính xấu* như:

- Nói dai như đàn bà
- Con gái mím môi, Thiên Lôi roi búa

Phụ nữ bị coi là luôn thua kém đàn ông về *trí tuệ*. Phụ nữ thường nông cạn, ngu dại, nhẹ dạ, cả tin:

- Khôn ngoan cũng thế đàn bà
- Dẫu rằng vụng dại cũng là đàn ông.

-Đàn ông nông nổi giếng khơi
Đàn bà sâu sắc như coi đưng trâu.

-Đàn bà cạn lòng như đĩa.

-Trẻ con hay ăn quà, đàn bà hay nhẹ dạ

Về mặt tình cảm, tâm lý thì người đàn bà được coi là có lòng dạ hẹp hòi, đồ kỵ:

-Mấy đời bánh đúc có xương
Mấy đời dì ghè mà thương con chồng.

-Chị em dâu nói trâu thành bò

-Củi mục bà để trong rương

Hễ ai hỏi đến: trầm hương của bà.

Về năng lực, thì đàn bà luôn yếu ớt, vô dụng, nói nhiều, làm ít:

-Đàn bà yếu chân mềm tay, làm ăn chẳng được lại hay nỏ mồm.

Cùng một đặc điểm hình thức giống nhau, nhưng đối với nam giới thì đặc điểm đó gắn liền với điều tốt, còn với phụ nữ thì ngược lại:

-Đàn ông rộng miệng thì sang, đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà.

-Đàn ông rộng miệng thì tài, đàn bà rộng miệng điếc tai láng giềng.

-Đàn ông tốt tóc là tiên, đàn bà tốt tóc nằm liền với ma.

+ Tính cách đàn ông :

Một số câu tục ngữ đánh giá cao tính cách người đàn ông, cho rằng họ thường mạnh mẽ, giàu ý chí, có khả năng làm được nhiều việc :

-Nam nhi đại chí khí

-Đàn ông như con dao pha

(Dao pha là dao có lưỡi lớn và mỏng, dùng được vào nhiều việc: cắt, thái, chặt, chẻ. Ý nói đàn ông tháo vát, nhanh nhẹn, làm việc gì cũng được- giải thích của Đinh Xuân Kính).

Một số câu tục ngữ khác đề cập đến những tính xấu của nam giới như lẳng nhăng, không chung thủy (năm thê bảy thiếp) và rượu chè, nhưng lại coi đó là những đức tính cố hữu, thường tình của người đàn ông.

-Đàn ông như cái nơm, bọ đâu úp đấy.

-Đàn ông một trăm lá gan, lá ở cùng vợ, lá toan cùng người.

-Nam vô tưu như kì vô phong.

Đôi khi nam giới cũng là những người đại dột trong trường tình, do si mê mà hao tài, tổn của:

- Gái phải lòng trai đem cửa về nhà, trai phải lòng gái, dỡ cột nhà đem đi.

2.1.2. Những định kiến về giới biểu hiện trong quan hệ gia đình:

+ Giá trị con trai, con gái:

Trong gia đình, nam giới thường được coi trọng hơn nữ giới, nên người ta cho rằng có con trai thì hơn có con gái:

- Nam tôn nữ ti .

- Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô .

- Mười đứa con gái bằng hòn đá mười đứa con trai .

Trong sinh hoạt gia đình, người đàn ông được ăn trên, ngồi trước, còn đàn bà, con gái phải ở nhà sau, ăn xó bếp:

- Con gái chỉ ăn xó bếp, chết gấm chạn .

Khi con gái lớn, bố mẹ phải lo cưới gả tốn kém, nhưng sau khi cưới thì về làm dâu nhà chồng, làm lụng cho nhà chồng, không giúp được gì cho gia đình bố mẹ đẻ, nên có câu:

- Con gái là cái bòn .

- Con gái là con người ta .

Theo quan niệm của Nho giáo, nếu không có con trai để nối dõi tông đường thì mang tội bất hiếu. Vì vậy, người đàn ông thành đạt trong xã hội phong kiến phải có được hai điều quan trọng:

- Thứ nhất đẻ con trai, thứ hai đỗ ông nghè.

+ Kinh nghiệm chọn vợ và cưới gả:

Trong Kho tàng tục ngữ Việt Nam, hầu như khó tìm được những câu khẳng định tình yêu là một điều kiện tiên quyết của hôn nhân nhưng rất dễ tìm thấy những câu dạy người đàn ông cách chọn vợ. Hình như chức năng duy trì nòi giống của hôn nhân được ông bà ta coi trọng hơn tình yêu. Người đàn ông chọn người phụ nữ về làm vợ, giống như người ta chọn mua heo nái, trâu cái để gây dựng đàn gia súc.

- Mua heo chọn nái, mua gái chọn dòng .

- Mua trâu xem vó, lấy vợ xem tông .

Người vợ trước tiên là phải có khả năng sinh đẻ và nuôi con tốt. Vì vậy, một số câu tục ngữ đúc kết kinh nghiệm cách xem tướng mạo của người phụ nữ để đảm bảo chức năng này:

- *Lung chữ cụ, vú chữ tâm* (Lưng hơi gù và vú bầu thì mất đẻ và khéo nuôi con)
- *Lớn vú, bụ con*.
- *Đít ngồi cong cong, con đông như vịt*.
- *Những người thắt đáy lưng ong, đã khéo chiều chồng lại khéo nuôi con*.
- *Những người béo trọc béo tròn, ăn vụng như chớp, đánh con cả ngày*.

Sức khỏe của người phụ nữ cũng được nhìn nhận theo quan điểm có lợi cho người đàn ông về quan hệ tình dục:

- *Gái khỏe chó lầy* (Một kinh nghiệm cưới gả: Người xưa cho rằng đàn bà phận liễu yếu đào tơ, nhu mì mềm mỏng mới tốt. Cứng rắn (khỏe) là tố chất không phù hợp với phụ nữ, không nên lấy).

- *Tốt mái, hại trống* (Vợ to khỏe thì chồng bị cạn kiệt sinh lực).

Giọng nói của người phụ nữ cũng là một tiêu chuẩn quan trọng để người đàn ông chọn vợ:

- *Đàn bà lạnh lạnh tiếng đồng, một là sát chồng, hai là hại con*.

Khi vợ chồng chẳng may không có con thì nguyên nhân không phải do người đàn ông, mà là do người phụ nữ độc ác:

- *Cây độc không trái, gái độc không con*.

Những người phụ nữ chẳng may “đứt gánh giữa đường” rất khó có cơ hội tìm được hạnh phúc mới do định kiến xấu về ‘gái nạ dòng’:

- *Cưới gái nạ dòng như gông đeo cổ*.

- *Trai tơ mà lấy nạ dòng, như nước mắm cột chấm lòng lợn thiu*.

+ Quan niệm về nghĩa vụ và đạo đức của người phụ nữ trong gia đình:

Một số tác giả cho rằng chuẩn mực đạo đức chi phối gia đình Việt Nam bị ảnh hưởng bởi chuẩn mực Nho giáo của người Hán. Vì Việt Nam tiếp xúc với văn hóa Hán cả nghìn năm nên điều đó đã thấm vào trong tục ngữ của người Việt. Nho giáo là học thuyết rất chú trọng đến đạo đức con người, trong đó có nguyên tắc ứng xử của con người với chính bản thân mình và với người khác, với xã hội. Nho giáo chia xã hội (nam giới) thành hai loại người: quân tử và tiểu nhân. Người quân tử, với bản thân mình, phải nghiêm khắc trong việc tu thân, tức phải rèn luyện được 5 đức cơ bản:

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín (*Ngũ thường*). Với xã hội, người quân tử phải thực hành tốt quan hệ *Tam cương*. Đó là quan hệ vua - tôi, cha - con, chồng - vợ. Đây được coi là những mối quan hệ giường mỗi, làm trụ cột của xã hội phong kiến Trung Quốc. Đàn ông phải biết Tam Cương, Ngũ Thường và làm những việc lớn như tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Còn người phụ nữ phải biết *Tam tông, Tứ đức*: ở trong gia đình phải tuyệt đối phục tùng người cha (*tại gia tông phụ*), khi lấy chồng thì phải theo chồng (*xuất giá tông phu*), khi chồng mất thì phải theo con (*phu tử tông tử*). Họ không có tiếng nói trong gia đình; và càng không có vai trò, vị trí ngoài xã hội; họ phải sống phục tùng, lệ thuộc vào đàn ông.

Trong tục ngữ Việt Nam có nhiều câu phản ánh những quan niệm đạo đức Nho giáo như vậy:

- Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó .
- Phận gái chữ tòng .
- Phu xướng, phụ tùy .
- Thuyền theo lái, gái theo chồng .
- Ghe bầu trở lái về đông, làm thân con gái thờ chồng nuôi con .

Những quan niệm của Nho giáo về vai trò thấp kém và phụ thuộc của người phụ nữ trong xã hội và gia đình đã ăn sâu vào nhận thức của người Việt và làm nên định kiến và phân biệt đối xử về giới trong tục ngữ, ca dao Việt Nam.

Người phụ nữ có bốn phận phải chung thủy với chồng, nhưng người đàn ông có quyền “năm thê, bảy thiếp”:

- Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng .

Trong quan hệ đa thê (xưa), người vợ cả cũng khổ nhưng người vợ lẽ càng khổ hơn:

- Làm lẽ ăn bát mẻ nằm chiếu manh .

Trong quan hệ thông gia, nội ngoại cũng thể hiện đặc điểm của xã hội phụ quyền. Sau khi cưới, người phụ nữ phải về làm dâu nhà chồng, chăm sóc chồng và bố mẹ chồng, phục tùng gia phong nhà chồng. Trong khi chàng rể không ở nhà vợ, luôn được kính trọng như khách và có uy quyền đối với bố mẹ vợ:

- Bố chồng là ông chim phượng, mẹ chồng là tượng mới tô, nàng dâu là bồ chịu chửi .
- Bố vợ là mớ quai chèo, mẹ vợ là bèo trôi sông, chàng rể là ông ba đời.

Bốn phận người vợ là luôn phải nín nhịn cho cuộc sống gia đình được êm thấm và nàng dâu thì không được cãi lời mẹ chồng:

- Chồng giận thì vợ bớt lời, cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê ,

Người phụ nữ phải “mang nặng đẻ đau”, việc này không ai chia xẻ được:

- *Đàn ông vượt bể có chúng có bạn, đàn bà vượt cạn chỉ có một mình .*

Việc quán xuyến công việc gia đình, nuôi dạy con cái luôn là trách nhiệm của người vợ, người mẹ. Con cháu nên người có thể là công cha, nhưng con cháu hư hỏng là lỗi của mẹ và bà:

- *Con dại cái mang .*
- *Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà .*

Không những thế, người phụ nữ còn phải lao động, gánh trách nhiệm về kinh tế và sự thành bại trong việc làm ăn của chồng:

- *Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng .*
- *Chồng nợ, vợ phải trả .*

+ Công việc, sự nghiệp :

Sự định kiến, phân biệt đối xử cũng thể hiện rõ nét trong quan niệm về công việc sự nghiệp của nam và nữ. Trong ca dao, tục ngữ Việt Nam, người đàn ông thường làm những công việc lớn, có thể đi làm xa, giao lưu tiếp xúc với bên ngoài:

- *Nam ngoại, nữ nội* (Người đàn ông chủ yếu lo việc ngoài xã hội, đối ngoại; Người đàn bà chủ yếu lo việc nội trợ trong gia đình) .
- *Đã sinh ra kiếp đàn ông, đèo cao núi thẳm sông cùng quản chi .*
- *Làm trai cho đáng nên trai .*
- *Phú Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng..*

Còn người phụ nữ lo việc trồng trọt, chăn nuôi và chăm sóc con cái (thật ra, đó là những công việc hết sức nặng nhọc và quan trọng), và quán xuyến hết các việc trong nhà, trong bếp. Nhưng quyền với căn nhà là của người đàn ông:

- *Xem bếp biết nét đàn bà .*
- *Làm ruộng hỏi đàn bà, làm nhà hỏi đàn ông .*
- *Bán heo mặc đàn bà, bán nhà mặc đàn ông .*

Do định kiến về vai trò gia trưởng của người đàn ông trong gia đình, nên nếu gia cảnh nhà chồng khó khăn, người đàn ông phải nương nhờ nhà vợ, họ cảm thấy đó là một sự sỉ nhục:

- *Con trai ở nhà vợ như chó nằm gằm chạn .*
- *Ở chuồng heo còn hơn theo quê vợ .*

2.1.3. Những định kiến thể hiện trong giao tiếp trong xã hội

Về mặt giao tiếp xã hội, nội dung của những câu ca dao, tục ngữ cũng thể hiện nhiều định kiến đối với người phụ nữ. Họ hầu như là những người *thụ động, không tự quyết định được số phận của mình*.

Trong tình yêu đôi lứa, người phụ nữ không dám chủ động bày tỏ tình cảm của mình:

*-Bỏ câu mà đổ nóc nhà,
Mấy khi đàn bà đi hỏi đàn ông.*

Thân phận người con gái (xưa) phụ thuộc vào hoàn cảnh khách quan, may thì hạnh phúc, không may thì bất hạnh :

*-Phận gái 12 bến nước, trong nhà, đục chịu .
-Con gái như hạt mưa sa.*

Cuộc sống người phụ nữ tùy thuộc vào cha mẹ, chồng con, công việc và hoàn cảnh sống, nên không được tự chủ:

*-Làm tùy chủ, ngủ tùy chồng .
-Có chồng chẳng được đi đâu, có con chẳng được đứng lâu 1 giờ.*

Đôi khi, người ta còn coi phụ nữ đem lại xui xẻo, rủi ro:

-Ra đi gặp đàn bà, ở nhà hơn đi .

Con cái mà giống mẹ cũng không gặp may mắn:

-Con gái giống cha, giàu ba họ, con trai giống mẹ, khó ba đời .

Xã hội có cái nhìn không thiện cảm đối với những người phụ nữ nhiều tuổi nhưng vẫn sống độc thân:

-Mướp già thì mướp có xờ, gái già thì gái nằm trơ một mình.

Những người phụ nữ đứng tuổi, 'nạ dòng", mà đi bước nữa để khỏi cô đơn thì cũng bị người đời coi thường và chế diễu cảm xúc hạnh phúc của họ:

-Nạ dòng mà lấy trai tơ, đêm nằm hí hửng như mơ được vàng .

Trong cuộc sống và giao tiếp, người phụ nữ luôn phải giữ đúng tứ đức 'công, dung, ngôn hạnh" , không được tự do, tự tại như người đàn ông:

-Đàn ông cười hoa, đàn bà cười nụ (Đàn ông có thể thoải mái, đàn bà phải ý tứ kín đáo).

Người phụ nữ còn bị coi là đồ chơi, trò giải trí cho đàn ông, đôi khi bị lạm dụng tình dục và bị bạo hành do quan niệm bất bình đẳng về giới:

-Làm hoa cho người hái, làm gái cho người chơi.
- Rắn đến nhà không đánh thì quái,
Gái đến nhà không chơi thì thiệt.

2.3. Tiếng nói phản kháng của người phụ nữ :

Tục ngữ có câu “Con giun xéo lắm cũng quằn”, người phụ nữ chịu nhiều định kiến, luôn bị coi thường, đến mức phải “tức nước vỡ bờ”, đáp trả bằng những câu tục ngữ có nội dung đối nghịch lại quan điểm chung.

Người ta trọng nam, khinh nữ coi “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, “Mười đứa con gái bằng hòn đá đứa con trai”, thì có câu đáp trả :

- Mười con trai không bằng lỗ tai con gái .

Người ta bắt buộc người phụ nữ phải chính chuyên, còn đàn ông có thể ‘năm thê, bảy thiếp’, thì lại có câu đáp rằng:

-Chính chuyên chết cũng ra ma, lẳng lơ chết cũng đưa ra ngoài đồng.

Người ta cho rằng ra ngõ gặp gái là xui xẻo thì cũng có câu ngược lại:

- Ra ngõ gặp gái, mọi cái mọi may ,

Người ta chê phụ nữ có tính hay ghen, thì có ngay câu bênh vực, xem đó là chuyện bình thường như ột thì phải cay vậ:

-Ớt nào mà ớt chẳng cay, gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.

Đặc biệt, kho tàng tục ngữ người Việt phản ánh khá nhiều quan điểm khác nhau về thân phận người phụ nữ khi “có chồng” và “không chồng”. Có chồng, người thì “tựa mạn thuyền rồng”, người thì “ nằm trong thuyền chài”, khi may mắn, khi đau khổ:

-Gái có chồng như rồng có vây ,

- Gái có chồng như gong đeo cổ .

Nhưng không chồng thì cuộc sống bất định, đơn độc, chông chênh :

- Thuyền không lái, gái không chồng

- Gái không chồng như phản gỗ long đĩnh

III. KẾT LUẬN

Thực ra, không chỉ riêng quan niệm về giới mới có những quan niệm đa chiều, mà đối với nhiều vấn đề khác trong tục ngữ người Việt đều có cách nhìn nhận, bình giá rất khác nhau, có khi đối nghịch nhau, đặc biệt đối với bộ phận tục ngữ về quan hệ xã hội và đời sống tinh thần của con người. Ví dụ:

- *Đời người có một gang tay, ai hay ngủ ngày chỉ được nửa gang.*
- *Đời người sống mấy gang tay, hơi đâu cặm cùi cả ngày lẫn đêm.*

Hoặc : *"Cò bột mới gột nên hồ "* và ngược lại *" Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan"...*

Có hiện tượng này là do tác giả của tục ngữ là quần chúng nhân dân với nhiều tầng lớp khác nhau, có hoàn cảnh xã hội và nhận thức không đồng nhất. Tục ngữ lại được sáng tác trong những hoàn cảnh cụ thể, có thể là trong lao động sản xuất, trong các cuộc đối đáp nam nữ, "có nói đi phải nói lại", "có nói thật, cũng có nói chơi". Tục ngữ được nhân dân bổ sung và điều chỉnh qua nhiều thế hệ, nhiều thời kỳ lịch sử mà hiện thực xã hội và cách nhìn của con người thì luôn thay đổi. Vì vậy, tục ngữ phản ánh quan niệm rộng rãi, bao dung của nhân dân như biển cả tiếp nhận mọi dòng nước từ sông đổ vào biển rộng, bất kể dòng trong, dòng đục.

Khi giảng dạy tục ngữ tiếng Việt trong nhà trường cho học sinh người Việt, cũng như cho người nước ngoài, chúng ta cần nhận rõ tính đa dạng trong nội dung tục ngữ, đặc biệt là quan điểm đa chiều khi nhìn nhận cùng một vấn đề, trong đó tiêu biểu là quan niệm đa chiều về giới trong tục ngữ người Việt. Từ đó, người dạy cần có ý thức chọn lựa những câu tục ngữ thích hợp, có tác dụng tích cực trong việc giới thiệu văn hóa ứng xử của người Việt đối với môi trường xã hội và tự nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Georges Condominas. *Vấn đề truyền khẩu và đạo lý trong nghiên cứu luật tục*. Trong "Các nhà Việt Nam học nước ngoài viết về Việt Nam". Tập 1. Nhà Xb. Thế giới, Hà Nội, 2002, tr. 538-543.
2. Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang, Phương Trì . *Tục ngữ Việt Nam* (1975)
3. Nguyễn Đức Dân. *Đạo lý trong tục ngữ*, T/c Văn học, số 5/1987, tr.57-66.
4. Nhân Văn Đình. *Câu cửa miệng*. NXB.Văn học và Trung tâm NC Quốc học, TP.HCM, 1999.
5. Hoàng Văn Hành (chủ biên). *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*, tái bản lần I, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1994.

6. Nguyễn Thái Hòa. *Tục ngữ Việt Nam cấu trúc và thi pháp*. Nhà xb.KHXH, Hà Nội 1997.

7. Nguyễn Xuân Kính (chủ biên), Nguyễn Thúy Loan, Phan Lan Hương, Nguyễn Luân. *Kho tàng tục ngữ người Việt tập I, II*. NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2002.

8. Vũ Ngọc Phan. *Tục ngữ, ca dao dân ca Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978, 802 trang.

9. Triều Nguyên. *Khảo luận về tục ngữ người Việt*. NXB. Giáo dục, 2006.

10. Cù Đình Tú. *Góp ý kiến về phân biệt tục ngữ với thành ngữ* -T/c Ngôn ngữ, số 1/1973.

Tóm tắt

QUAN NIỆM ĐA CHIỀU VỀ GIỚI TRONG TỤC NGỮ TIẾNG VIỆT

Đinh Lê Thu

Tục ngữ là sáng tạo của quần chúng nhân dân, được truyền khẩu qua nhiều thế hệ. Tác giả của tục ngữ xuất thân từ những tầng lớp xã hội khác nhau, ở những thời kỳ lịch sử khác nhau và có nhận thức khác nhau, đặc biệt đối với những vấn đề về quan hệ xã hội, về đạo đức, ứng xử của con người.

Bài báo này đề cập đến quan niệm nhiều chiều về vai trò của phụ nữ và nam giới thể hiện trong tục ngữ, trong đó chú trọng phân tích định kiến về giới thể hiện trong sự đánh giá không tốt về tính cách, năng lực của phụ nữ, coi trọng con trai hơn con gái, khẳng định quyền gia trưởng của người đàn ông, sự phụ thuộc của phụ nữ trong gia đình và địa vị thấp kém của phụ nữ trong xã hội.

Hiện nay, xã hội Việt Nam đang phấn đấu để xây dựng sự bình đẳng giới. Vì vậy, khi dạy tiếng Việt cho học sinh phổ thông, hoặc cho người nước ngoài, giáo viên cần lựa chọn những câu tục ngữ thích hợp để giới thiệu nét đẹp của văn hóa và ứng xử của người Việt, đặc biệt là thái độ tôn trọng và lịch sự đối với phụ nữ.

Abstract

Multi-dimensional view to gender in Vietnamese proverbs.

by Dinh Le Thu

Proverbs are the creativity of the masses, are words of mouth through generations. Authors of proverbs come from different social classes, in different historical periods with different perceptions on social issues, ethics and human behavior. This paper refers to a multi-dimensional conception of the role of women and men expressed in proverbs. The analysis focuses on gender stereotypes presented in badly assessment of the character and capacity of women, values boys over girls, asserted patriarchal rights of men, the dependence of women in the family and inferior status of women in society, expressed in Vietnamese proverbs.

Currently, Vietnamese society is striving to build gender equality. So, when teaching Vietnamese to high school students or for foreigners, teachers need to select the appropriate proverbs to introduce the beauty of Vietnamese culture and behavior, especially in a respectful and courteous to women.

